

QUY CHẾ CUỘC ĐẦU GIÁ

Lô 01: Lô VTTB, dụng cụ không chứa chất thải nguy hại (CTNH)

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 Quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài Chính Quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 153/2025/HĐ-PTC2-LSSG ngày 12/11/2025 giữa Công ty Truyền tải điện 2 và Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn;

Căn cứ hồ sơ pháp lý của tài sản đấu giá.

Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn ban hành Quy chế cuộc đấu giá gồm các điều khoản sau:

Điều 1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, nơi có tài sản, giấy tờ pháp lý của tài sản

1. Tài sản đấu giá: Lô 1: Lô VTTB, dụng cụ không chứa chất thải nguy hại (CTNH) của Công ty Truyền tải điện 2, chi tiết theo Phụ lục đính kèm quy chế cuộc đấu giá này.

2. Giá khởi điểm: 2.579.886.105 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm lẻ năm đồng). Giá khởi điểm chưa bao gồm thuế GTGT.

3. Đơn vị có tài sản đấu giá tại: Số 220 - Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

4. Giấy tờ pháp lý của tài sản: Lô VTTB, TSCĐ, dụng cụ hỏng thanh lý năm 2025 của Công ty Truyền tải điện 2 đã được cấp có thẩm quyền cho phép bán thanh lý.

Điều 2. Tham khảo hồ sơ mời tham gia đấu giá

Cá nhân, tổ chức có thể tham khảo hồ sơ mời tham gia đấu giá miễn phí tại:

- Trang thông tin đấu giá trực tuyến: lacvietauction.vn;
- Cổng đấu giá tài sản quốc gia (Trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản) - dgts.moj.gov.vn;
- Trang điện tử của công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn: daugialamson.com;



d) Trụ sở công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn: 111A Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Điều 3. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; Thời gian, địa điểm xem tài sản; Thời gian điểm danh; Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá; Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá

1. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá từ 07 giờ 30 phút ngày 14/11/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 25/11/2025 (trong giờ làm việc) tại: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>, Điện thoại: 0765.325215.

b) Thời gian, địa điểm, đăng ký tham gia đấu giá và tiếp nhận nhận hồ sơ tham gia đấu giá từ 07 giờ 30 phút ngày 14/11/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 25/11/2025 (trong giờ làm việc) tại: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>, Điện thoại: 0765.325215/0981.192808.

Trong trường hợp khách hàng có vướng mắc khó khăn gì trong quá trình đăng ký, nộp hồ sơ trực tuyến thì khách hàng liên hệ trực tiếp với Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn để được hướng dẫn cụ thể chi tiết. Số điện thoại liên hệ: 076532.5215/0981.192808; 0386129606; 028.22455120.

2. Người tham gia đấu giá xem tài sản đấu giá trực tuyến hoặc xem tài sản trực tiếp theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này. Thời gian và địa điểm xem tài sản trực tiếp từ 07 giờ 30 phút ngày 19/11/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 26/11/2025 (trong giờ làm việc) tại các kho: Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

- Việc xem tài sản không là điều kiện bắt buộc đối với người tham gia đấu giá, do đó khách hàng tự chịu trách nhiệm về việc hiểu rõ các tính chất, đặc điểm, số lượng và chất lượng tài sản đấu giá, chấp nhận hiện trạng thực tế của tài sản (tài sản có sao bán vậy), các thông tin liên quan đến tài sản đấu giá. Mọi khiếu nại về tài sản đấu giá và thông tin liên quan đến tài sản đấu giá trong phiên đấu giá hoặc sau khi phiên đấu giá kết thúc sẽ không được giải quyết. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc xem tài sản do khách hàng tự chi trả. Các khách hàng không đi xem tài sản đấu giá được coi là đã chấp nhận hiện trạng thực tế của tài sản (tài sản có sao bán vậy) và không có quyền khiếu kiện khiếu nại về tài sản đấu giá (Số điện thoại liên hệ xem tài sản: 0934.890652).

- Trong trường hợp không liên hệ được số điện thoại nêu trên, khách hàng phải thông báo ngay bằng điện thoại cho Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn để được hỗ trợ (Số điện thoại liên hệ: 0938.792122)

3. Thời gian điểm danh: Người đủ điều kiện tham gia đấu giá có trách nhiệm truy cập tài khoản đã được cấp để điểm danh việc tham dự phiên đấu giá trong khoảng thời gian: Bắt đầu từ 14 giờ 00 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 28/11/2025. Trường hợp người đủ điều kiện tham gia đấu giá không truy cập tài khoản đã được cấp để điểm danh theo thời gian quy định trong Quy chế cuộc đấu giá này thì được coi là không tham dự phiên đấu giá quy định tại điểm a khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Thời gian, địa chỉ tổ chức phiên đấu giá: Vào lúc từ 14 giờ 00 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 28/11/2025 tại địa chỉ Trang đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>.

5. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Người đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá trực tuyến hợp lệ và nộp tiền đặt trước cho công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá trực tuyến thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó.

a) Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá: Những người không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4, Điều 38 của Luật đấu giá tài sản năm 2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đều được đăng ký tham gia đấu giá.

b) Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Người đăng ký tham gia đấu giá truy cập vào Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến có địa chỉ tên miền <http://lacvietauction.vn> và làm theo hướng dẫn để tham khảo hồ sơ mời tham gia đấu giá, để đăng ký tham gia đấu giá hoặc tải hồ sơ mời tham gia đấu giá, hoàn thiện hồ sơ tham gia đấu giá (hồ sơ có đầy đủ các thành phần được quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này). Sau 16 giờ 30 phút, ngày 25/11/2025, các trường hợp hồ sơ đấu giá ghi nhận trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến không hợp lệ;

Điều 4. Hồ sơ tham gia đấu giá nộp trực tuyến gồm có

Cá nhân, tổ chức tạo tài khoản truy cập và đăng ký tham gia đấu giá trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn> phải hoàn thiện đầy đủ các thông tin theo hướng dẫn, cụ thể như sau:

a. Đối với cá nhân:

- ✓ Họ và tên;
- ✓ Tên đăng nhập; Mật khẩu;
- ✓ Số điện thoại liên hệ;
- ✓ Địa chỉ email liên hệ;
- ✓ Ngày tháng năm sinh;
- ✓ Địa chỉ theo hộ khẩu thường trú;
- ✓ Giới tính;
- ✓ Căn cước công dân/Căn cước/hộ chiếu; ngày cấp; nơi cấp
- ✓ Tải lên Trang thông tin đấu giá trực tuyến ảnh mặt trước và sau chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu;
- ✓ Thông tin tài khoản ngân hàng nhận lại tiền đặt trước của người tham gia đấu giá trong trường hợp không trúng đấu giá;
- ✓ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu).

b. Đối với tổ chức:

- ✓ Tên tổ chức;
- ✓ Tên đăng nhập; Mật khẩu;
- ✓ Số điện thoại liên hệ;
- ✓ Địa chỉ email liên hệ;

- ✓ Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức; Chức vụ;
- ✓ Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế; ngày cấp (lần đầu); nơi cấp (lần đầu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ✓ Địa chỉ trụ sở;
- ✓ Tải lên Trang thông tin đấu giá trực tuyến văn bản (định dạng đuôi .PDF; .DOC; .DOCX) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương của tổ chức; Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ Chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức;
- ✓ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu);
- ✓ Thông tin tài khoản ngân hàng nhận lại tiền đặt trước của tổ chức tham gia đấu giá trong trường hợp không trúng đấu giá.

c) Lưu ý:

- ✓ *Cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã đăng ký, tài liệu đăng tải lên Trang thông tin đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>. Trường hợp cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tài khoản, tham dự phiên đấu giá thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.*
- ✓ *Cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng và bảo mật tài khoản, mật khẩu truy cập trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến <http://lacvietauction.vn>. Trường hợp bị mất hoặc phát hiện tài khoản của mình đang bị sử dụng trái phép thì phải thông báo ngay cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.*
- ✓ *Mọi sự điều chỉnh giấy tờ, hồ sơ của người đăng ký tham gia đấu giá chỉ được xem xét giải quyết nếu thời hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá chưa kết thúc.*

Trong trường hợp khách hàng có vướng mắc khó khăn gì trong quá trình đăng ký, nộp hồ sơ trực tuyến thì khách hàng liên hệ trực tiếp với Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn để được hướng dẫn cụ thể chi tiết. Số điện thoại liên hệ: 076532.5215/0981.192808; 0386129606; 028.22455120.

Điều 5. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước

1. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: 200.000 đồng/ 01 bộ hồ sơ.
Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Nộp vào tài khoản theo hướng dẫn sau:
 - Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn
 - Số tài khoản 6460201005069 tại Agribank Tân Phú.
 - Nội dung nộp: *Họ tên /Tên tổ chức (Số CMND/CCCD/HC/ĐKKD) nộp tiền phí hồ sơ: Lô 1 của Công ty Truyền Tải Điện 2.*
2. Số tiền đặt trước: 515.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm mười lăm triệu đồng*).
3. Thời gian, hình thức nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 14/11/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 25/11/2025. Hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn theo hướng dẫn như sau:

- ✓ Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn.
- ✓ Số tài khoản: 6460201019641 mở tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN Tân Phú.
- ✓ Nội dung nộp tiền: “Tên tổ chức” nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá Lô 2 của Công ty Truyền tải điện 2”.

Lưu ý đối với người tham gia đấu giá:

- ✓ Không được nộp tiền đặt trước thay cho người tham gia đấu giá khác.
- ✓ Số tiền đặt trước hợp lệ căn cứ vào thời gian báo có trên tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn, không căn cứ vào thời gian chuyển tiền trên giấy nộp tiền của khách hàng. Tiền đặt trước đến tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn sau 16 giờ 30 phút của ngày hết hạn nộp tiền đặt trước (ngày 25/11/2025) mặc nhiên được coi là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.
- ✓ Người tham gia đấu giá nộp không đúng số tài khoản, không ghi rõ nội dung chuyển tiền theo hướng dẫn nộp tiền đặt trước đều được coi là không hợp lệ.
- ✓ Phí chuyển tiền đặt trước và nhận lại tiền đặt trước do người tham gia tham gia đấu giá chịu.

Điều 6. Hình thức đấu giá và phương thức đấu giá tài sản

1. Hình thức đấu giá: Đấu giá trực trực tuyến.
2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

Điều 7. Bước giá

1. Bước giá cố định: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)/01 bước giá;
2. Giá trả hợp lệ: là người tham gia đấu giá đầu tiên phải trả ít nhất bằng giá khởi điểm, người trả giá sau phải trả giá cao hơn giá mà người trả giá trước liền kề đã trả ít nhất 01 bước giá;

Điều 8. Trình tự thực hiện phiên đấu giá

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đăng tải, thông báo công khai Quy chế cuộc đấu giá, kèm theo danh mục tài sản, hình ảnh tài liệu liên quan đến tài sản (nếu có) trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến. Cá nhân, tổ chức tham gia đấu giá phải đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ tại Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn và trang đấu giá trực tuyến: **lacvietauktion.vn**, nộp tiền đặt trước theo quy định tại Thông báo, Quy chế cuộc đấu giá này.
2. Người đăng ký tham gia đấu giá trên trang thông tin đấu giá trực tuyến được hướng dẫn đăng ký một tài khoản truy cập thông qua địa chỉ thư điện tử đăng ký. Người đăng ký tham gia đấu giá sử dụng tài khoản truy cập để được hướng dẫn cách thức nộp hồ sơ tham gia đấu giá trực tuyến, nộp tiền đặt trước thông qua các hình thức thanh toán trực tuyến, cách thức tham gia đấu giá, trả giá và các nội dung cần thiết khác khi tham gia cuộc đấu giá trực tuyến trên trang thông tin đấu giá trực tuyến.

3. Người tham gia đấu giá nộp hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước hợp lệ thì được sử dụng tài khoản truy cập để tham dự phiên đấu giá theo Quy chế cuộc đấu giá.

4. Người đủ điều kiện tham gia đấu giá có trách nhiệm truy cập tài khoản đã được cấp để điểm danh việc tham dự phiên đấu giá theo thời gian quy định trong Quy chế cuộc đấu giá. Người đủ điều kiện tham gia đấu giá trả giá theo mã số riêng.

5. Trường hợp người đủ điều kiện tham gia đấu giá không truy cập tài khoản đã được cấp để điểm danh theo thời gian quy định trong Quy chế cuộc đấu giá thì được coi là không tham dự phiên đấu giá quy định tại điểm a khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản, trừ trường hợp bất khả kháng.

6. Người tham gia đấu giá sử dụng tài khoản của mình và thực hiện việc trả giá theo phương thức trả giá lên trong thời gian đấu giá (kể từ thời điểm bắt đầu tiến hành đấu giá đến thời điểm kết thúc đấu giá) đã được công bố. Trường hợp người trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trong khoảng thời gian 01 phút trước thời điểm kết thúc phiên đấu giá thì thời gian trả giá được gia hạn thêm 03 phút sau thời điểm kết thúc phiên đấu giá.

7. Cách thức tiến hành đấu giá: Người tham gia đấu giá nhập giá trả vào giao diện trả giá và xác nhận giá trả. Người tham gia đấu giá có thể trả giá nhiều lần trong thời gian đấu giá. Phiên đấu giá kết thúc khi hết thời gian đấu giá.

8. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phân công đấu giá viên điều hành phiên đấu giá trên trang thông tin đấu giá trực tuyến. Tại thời điểm kết thúc phiên đấu giá, việc xác định người trúng đấu giá là người có mức trả giá cao nhất (không thấp hơn giá khởi điểm) được hệ thống đấu giá trực tuyến ghi nhận. Trường hợp kết thúc thời gian đấu giá, có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất thì người có thời gian trả giá trả giá sớm nhất được hệ thống thông tin đấu giá trực tuyến ghi nhận là người trúng đấu giá.

9. Đấu giá viên được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phân công chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phiên đấu giá trực tuyến căn cứ kết quả xác định người trúng đấu giá công bố người trúng đấu giá trên hệ thống đấu giá trực tuyến ngay sau khi phiên đấu giá kết thúc.

10. Kết quả cuộc đấu giá trực tuyến được đăng công khai trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia hoặc trang thông tin đấu giá trực tuyến và được gửi vào địa chỉ thư điện tử của người tham gia đấu giá đã đăng ký với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Trường hợp đấu giá tài sản theo phương thức trả giá lên, khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham dự phiên đấu giá hoặc có nhiều người tham dự phiên đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá hợp lệ hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của người tham gia đấu giá:

1. Quyền của người tham gia đấu giá:

a. Được tham dự phiên đấu giá trực tuyến nếu đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định;

b. Được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến Tài sản đấu giá;

c. Được trả lại tiền đặt trước trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá trực tuyến nếu không trúng đấu giá và không vi phạm quy định thuộc trường hợp không được nhận lại khoản tiền đặt trước;

d. Được từ chối tham gia đấu giá và được nhận lại tiền đặt trước trong trường hợp có thay đổi về giá khởi điểm, số lượng, chất lượng tài sản, thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá, hình thức đấu giá, phương thức đấu giá đã niêm yết, thông báo công khai. Việc từ chối tham gia đấu giá được thể hiện bằng văn bản và được gửi về tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trước ngày phiên đấu giá được tổ chức.

2. Trách nhiệm của người tham gia đấu giá:

a. Chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế cuộc đấu giá và các quy định khác của pháp luật;

b. Nộp tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá và nộp khoản tiền đặt trước theo quy định tại thông báo, quy chế cuộc đấu giá;

c. Cung cấp thông tin, tài liệu hợp lệ, chính xác, trung thực để đăng ký tham gia đấu giá, tham dự phiên đấu giá;

d. Người tham gia đấu giá phải đảm bảo trang thiết bị khi tham gia đấu giá; chịu trách nhiệm trong trường hợp hệ thống mạng của mình gặp sự cố dẫn đến không thể tham gia đấu giá, trả giá trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không chịu trách nhiệm trong những trường hợp lỗi không phải do hệ thống đấu giá trực tuyến gây ra;

đ. Trong thời gian diễn ra phiên đấu giá trực tuyến (tính từ thời gian bắt đầu phiên đấu giá đến thời gian kết thúc phiên đấu giá) người tham gia đấu giá phải đăng nhập vào Trang thông tin đấu giá trực tuyến lacvietauction.vn và truy cập vào phiên đấu giá. Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể tham gia trả giá thì trong vòng 24 giờ phải báo cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và Người có tài sản và phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra sự việc;

e. Không được từ chối tham gia đấu giá khi đã được xét tư cách của người tham gia đấu giá (trừ trường hợp bất khả kháng). Nếu từ chối tham gia đấu giá thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật

Điều 10. Thông báo kết quả phiên đấu giá

1. Ngay sau khi có kết quả đấu giá trực tuyến, Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông báo kết quả đấu giá cho người trúng đấu giá.

2. Thông báo ghi rõ các thông tin về tài sản đấu giá, thời điểm bắt đầu và kết thúc việc trả giá, thời điểm hệ thống đấu giá trực tuyến ghi nhận mã khách hàng trúng đấu giá, giá khởi điểm của tài sản đấu giá, giá trúng đấu giá.

Điều 11. Quyền và trách nhiệm của người trúng đấu giá

1. Quyền của người trúng đấu giá:

a. Được yêu cầu Người có tài sản ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật;

b. Các quyền khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định khác của pháp luật.

2. Trách nhiệm của người trúng đấu giá:

a. Ký biên bản đấu giá theo quy định;

b. Ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với Người có tài sản đấu giá;

c. Thanh toán đầy đủ tiền mua tài sản đấu giá cho Người có tài sản theo quy định tại Quy chế này hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định của pháp luật có liên quan;

d. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định khác của pháp luật.

Điều 12. Biên bản đấu giá

1. Biên bản đấu giá trực tuyến ghi nhận thời điểm bắt đầu tiên hành đấu giá, thời điểm kết thúc phiên đấu giá, số người tham gia đấu giá, giá trúng đấu giá, người trúng đấu giá. Diễn biến của phiên đấu giá được hệ thống đấu giá trực tuyến ghi nhận được trích xuất, có xác nhận của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản vận hành trang thông tin đấu giá trực tuyến và đính kèm biên bản đấu giá.

2. Biên bản đấu giá phải được lập tại thời điểm kết thúc việc trả giá và có chữ ký của đấu giá viên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phiên đấu giá trực tuyến, người ghi biên bản, người có tài sản đấu giá.

Biên bản đấu giá được gửi vào địa chỉ Email của người trúng đấu giá sau khi kết thúc phiên đấu giá. Người trúng đấu giá có trách nhiệm in biên bản đấu giá, ký tên và gửi về Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

Người trúng đấu giá không ký biên bản và nộp lại biên bản đấu giá đã ký cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong thời hạn nêu trên được coi là từ chối ký biên bản đấu giá và coi như không chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc không chấp nhận mua tài sản đấu giá, khoản tiền đặt trước của người này không được hoàn trả và được nộp vào ngân sách của người có tài sản đấu giá.

Điều 13. Dừng, hủy phiên đấu giá tài sản trước khi tổ chức phiên đấu giá

Dừng hoặc hủy phiên bán đấu giá trước khi tổ chức phiên đấu giá do có khiếu nại, thủ tục, quy trình đấu giá không đúng theo quy định, văn bản dừng hoặc hủy phiên bán đấu giá theo quy định của pháp luật thì Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn sẽ hoàn trả lại khách hàng toàn bộ số tiền bán hồ sơ, tiền đặt trước trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày có thông báo dừng hoặc hủy phiên bán đấu giá. Trong trường hợp này các bên tham gia không có ý kiến gì và không có trách nhiệm bồi thường cho nhau.

Điều 14. Xử lý trường hợp phát sinh do lỗi kỹ thuật của hệ thống đấu giá trực tuyến

1. Trường hợp do lỗi kỹ thuật của hệ thống đấu giá trực tuyến của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khiến phiên đấu giá không bắt đầu được, Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dừng phiên đấu giá trực tuyến và thông báo ngay cho người có tài sản quyết định thời gian đấu giá lại.

2. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản hủy kết quả đấu giá trực tuyến trong trường hợp do lỗi kỹ thuật của hệ thống đấu giá trực tuyến của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khiến người tham gia đấu giá không thể trả giá, trả giá hợp lệ nhưng không được hệ thống ghi nhận hoặc ghi nhận sai thời gian trả giá sau khi phiên đấu giá bắt đầu và thông báo cho người có tài sản biết để quyết định thời gian đấu giá lại.

3. Trường hợp phiên đấu giá không tổ chức được thì cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá được hoàn lại tiền hồ sơ, tiền đặt trước đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên đấu giá.

Điều 15. Các trường hợp vi phạm không nhận lại tiền đặt trước

Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau đây:

1. Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham dự phiên đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

***Lưu ý:** Thuật ngữ “không tham dự phiên đấu giá” được hiểu là người tham gia đấu giá không truy cập vào phiên đấu giá hiển thị trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến đấu giá trực tuyến lacvietauction.vn trong thời gian đấu giá (kể từ thời điểm bắt đầu tiến hành đấu giá đến thời điểm kết thúc đấu giá) theo Điều 03 Quy chế cuộc đấu giá này.*

2. Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại Điều 21 Quy chế này.

3. Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá.

4. Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

5. Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

Xử lý tiền đặt trước: Theo quy định Điều 39 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024.

Tiền đặt trước của người tham gia đấu giá vi phạm Khoản 6 Điều Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024 thuộc về người có tài sản đấu giá. Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc

phiên đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm chuyển tiền đặt trước của khách hàng vi phạm vào tài khoản của người có tài sản đấu giá.

Điều 16. Rút lại giá đã trả

1. Trong thời gian đấu giá (kể từ thời điểm bắt đầu tiến hành đấu giá đến thời điểm kết thúc đấu giá), nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên điều hành phiên đấu giá xác nhận công bố người trúng đấu giá thì phiên đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Trường hợp người trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trong khoảng thời gian 01 phút trước thời điểm kết thúc phiên đấu giá thì thời gian trả giá được gia hạn thêm 03 phút sau thời điểm kết thúc phiên đấu giá.

2. Người rút lại giá đã trả bị truất quyền tham dự phiên đấu giá và mất tiền đặt trước.

Điều 17. Từ chối kết quả trúng đấu giá

1. Kết thúc thời gian trả giá, màn hình Người trúng đấu giá sẽ hiển thị nút “Chấp nhận” hoặc “Từ chối” kết quả trúng đấu giá và đồng hồ đếm ngược 05 phút. Nếu Người trúng đấu giá bấm nút “Chấp nhận” hoặc không bấm nút nào trong vòng 05 phút, hệ thống sẽ ghi nhận Người trúng đấu giá đồng ý với kết quả đấu giá.

2. Nếu Người trúng đấu giá bấm nút “Từ chối” trong vòng 05 phút đếm ngược, hệ thống sẽ ghi nhận Người trúng đấu giá từ chối kết quả trúng đấu giá và xét giá trả liền kề. Nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá, hệ thống sẽ gửi thông báo về quyền trúng đấu giá trên màn hình của người trả giá liền kề có thời gian trả giá sớm nhất. Nếu người trả giá liền kề đó đồng ý mua tài sản đấu giá thì họ phải bấm vào nút “Chấp nhận”. Trường hợp người trả giá liền kề đó không bấm “Chấp nhận” hoặc không thao tác trên hệ thống. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản gửi email tới người đó. Nếu người đó bấm vào đường liên kết “chấp nhận mua tài sản đấu giá” đính kèm email trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc thời gian trả giá, thì người đó sẽ là Người trúng đấu giá. Biên bản đấu giá và các tài liệu khác sẽ được gửi cho Người trúng đấu giá với giá liền kề. Nếu người trả giá liền kề không bấm vào đường liên kết “chấp nhận mua tài sản đấu giá” đính kèm email trong thời gian quy định trên thì coi như là không chấp nhận mua tài sản đấu giá.

3. Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì phiên đấu giá không thành. Người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá sẽ không bị mất tiền đặt trước.

Điều 18. Thời gian, địa điểm, phương thức thanh toán tiền mua tài sản, giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, bàn giao tài sản

1. Thời gian, phương thức thanh toán tiền mua tài sản:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả đấu giá của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn (trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn thông báo kết quả đấu giá bằng văn bản cho Công ty Truyền Tải Điện 2 theo đúng quy định pháp luật) thì Công ty Truyền Tải Điện 2 và người trúng đấu giá ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hợp đồng mua bán tài sản được ký giữa Công ty Truyền Tải Điện 2 và người trúng đấu giá;

b) Người mua tài sản phải thanh toán 01 lần đầy đủ số tiền mua tài sản vào tài khoản của Công ty Truyền tải điện 2 (Sau khi trừ đi số tiền đặt trước tại Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng mua bán tài sản có hiệu lực. Trường hợp người mua được tài sản thanh toán chậm theo tiến độ quy định trong hợp đồng mua bán tài sản, người mua tài sản bị xem là đơn phương huỷ bỏ Hợp đồng, đồng thời bị coi là từ chối kết quả trúng đấu giá và được xử lý theo quy định của Quy chế cuộc đấu giá này và các quy định pháp luật hiện hành.

1. Giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá

a) Kết quả đấu giá tài sản là căn cứ để các bên ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá;

b) Công ty Truyền tải điện 2 và người trúng đấu giá ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Người trúng đấu giá được coi như chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá kể từ thời điểm đấu giá viên công bố người trúng đấu giá, trừ trường hợp người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024 hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá quy định tại Điều 51 của Luật đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024. Kể từ thời điểm này, quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thời hạn, địa điểm bàn giao tài sản, giấy tờ của tài sản:

a) Thời hạn giao tài sản: Trong thời hạn 07 ngày, Công ty Truyền Tải Điện 2 giao tài sản cho người trúng đấu giá kể từ ngày người trúng đấu giá nộp đủ số tiền trúng đấu giá cho Công ty Truyền Tải Điện 2. Trong trường hợp đặc biệt, thời hạn giao tài sản có thể kéo dài hơn, Công ty Truyền Tải Điện 2 có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn và người mua tài sản biết;

Việc bàn giao tài sản phải được lập thành văn bản và kể từ thời điểm này người trúng đấu giá có trách nhiệm bảo quản, vận chuyển, xử lý môi trường, xử lý chất thải nguy hại (nếu có)... theo đúng quy định của pháp luật.

b) Địa điểm bàn giao tài sản tại: Tại các kho: Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

c) Nếu Công ty Truyền tải điện 2 giao tài sản chậm so với thời gian quy định hoặc giao thiếu, không giao được tài sản cho người trúng đấu giá thì công ty Truyền tải điện 2 phải chịu trách nhiệm trực tiếp với người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ và quyền lợi của người mua được tài sản đấu giá

1. Nghĩa vụ của người mua được tài sản:

a) Ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và thanh toán tiền mua tài sản đấu giá đúng quy định;

b) Cam kết đã tìm hiểu các thông tin về nguồn gốc pháp lý của tài sản, đã tham khảo hồ sơ của tài sản đấu giá và trực tiếp xem tài sản;

c) Chịu mọi chi phí bốc dỡ vận chuyển tài sản sản ra khỏi nơi bàn giao và phải đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị của Công ty Truyền tải điện 2;

d) Trong quá trình giao nhận tài sản phải thực hiện đúng các quy định quản lý Công ty Truyền tải điện 2;

đ) Chịu các loại thuế chuyển quyền sở hữu, sử dụng, lệ phí và chi phí khác có liên quan đến tài sản đấu giá (nếu có);

e) Người mua tài sản bán đấu giá tiếp nhận hàng hóa và phải xử lý phần CTNH đúng quy định và kịp thời, đảm bảo tuân thủ Luật bảo vệ môi trường, và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (đối với lô tài sản có chứa CTNH);

g) Được quy định tại các điều khoản khác của pháp luật có liên quan.

2. Quyền của người mua được tài sản:

a) Yêu cầu Công ty Truyền tải điện 2 ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và được Công ty Truyền tải điện 2 cung cấp giấy tờ về nguồn gốc tài sản, hóa đơn (nếu có);

b) Được nhận tài sản đấu giá, có quyền sở hữu đối với tài sản đấu giá theo quy định.

Điều 20. Xử lý các vấn đề phát sinh trong phiên đấu giá của đấu giá viên

1. Đấu giá viên trực tiếp điều hành phiên đấu giá có các quyền sau:

a) Truất quyền tham dự phiên đấu giá của người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

b) Dừng phiên đấu giá khi phát hiện có hành vi thông đồng, dìm giá hoặc gây rối, mất trật tự tại phiên đấu giá và thông báo cho tổ chức đấu giá tài sản;

c) Dừng phiên đấu giá khi phát hiện người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm nội quy phòng đấu giá hoặc các phạm vi khác làm ảnh hưởng đến tính trung thực của kết quả đấu giá.

2. Việc xử lý các vấn đề phát sinh ngoài các quy định trên trong phiên đấu giá do người điều hành đấu giá quyết định (sau khi đã tham khảo ý kiến của người có tài sản).

Điều 21. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa các bên sẽ được giải quyết theo các quy định tại Quy chế này. Các vấn đề trong quy chế không quy định thì tranh chấp giữa các bên sẽ được giải quyết theo quy định tại Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày

17/11/2016 của Quốc hội về việc đấu giá tài sản và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Quy chế cuộc đấu giá đã được niêm yết, công khai theo quy định của pháp luật. Mọi đối tượng tham gia đấu giá có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định tại bản Quy chế này.

Lưu ý: Quy chế cuộc đấu giá này thay thế cho Quy chế cuộc đấu giá số 153-L1/2025/QCĐG ngày 13/11/2025 (đã đăng trên Cổng Quốc gia về đấu giá tài sản ngày 14/11/2025: <https://dgts.moj.gov.vn/>)

Nơi niêm yết, công khai:

- Trụ sở Công ty;
- Nơi tổ chức phiên đấu giá;
- Cổng đấu giá tài sản quốc gia;
- Người đăng ký tham gia đấu giá;
- Lưu VP – HS.

Tổng giám đốc



Đấu giá viên Nguyễn Chí Hiếu

Người đăng ký tham gia đấu giá, người tham gia phiên đấu giá đã được đọc, được giải thích, hiểu rõ, đã đồng ý nhất trí và cam kết chịu trách nhiệm thực hiện những điều khoản quy định tại Quy chế này, Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024 và các quy định khác của pháp luật.



PHỤ LỤC VẬT TƯ THIẾT BỊ, DỤNG CỤ HỒNG THANH LÝ 2025
KHÔNG CHỨA CTNH

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
A	VTTB			
	LỒ 1: VTTB KHÔNG CHỨA CTNH			
	XFF - TT2_XFF_Kho thu hồi bán thanh lý (số 5)			
1	Sắt phế liệu	Kg	1.0	
2	Sắt phế liệu	Kg	0.2	
3	Sắt phế liệu	Kg	2,286.7	
4	Sắt phế liệu	Kg	279.3	
5	Sắt phế liệu	Kg	1,876.0	
6	Sắt phế liệu	Kg	800.0	
7	Thép + tôn phế liệu	Kg	778.0	
8	Thép + tôn phế liệu	Kg	90.1	
9	Ống sắt phế liệu	Kg	34.4	
10	Ống sắt phế liệu	Kg	196.8	
11	Ống sắt phế liệu	Kg	106.0	
12	Cùi sứ 160	Cái	618.0	
13	Cùi sứ 160	Cái	618.0	
14	Cùi sứ 160	Cái	828.0	
15	Thanh đồng	Thanh	18.0	
16	Thanh đồng	Thanh	36.0	
17	Dây đồng tiếp địa M120	Mét	3.0	
18	Nhôm phế liệu	Kg	1.0	
19	Tôn	Kg	675.0	
20	Cột bê tông ly tâm 12m	Cột	2.0	
21	Cột bê tông 20m	Cột	2.0	
22	Dây tiếp địa M70	Mét	9.0	
23	Xà cột BTLT	Bộ	1.0	
24	Giá đỡ	Cái	2.0	
25	Giá đỡ	Cái	3.0	
26	Giá đỡ ắc quy	Cái	1.0	
27	Giá đỡ ắc quy	Cái	1.0	
28	Giá đỡ ắc quy	Cái	1.0	
29	Trụ đỡ chống sét van 110kV	Cái	6.0	
30	Trụ đỡ Sứ đỡ	Cái	3.0	
31	Trụ đỡ Sứ đỡ 35kV	Cái	1.0	
32	Trụ đỡ Dao cách ly	Bộ	3.0	
33	Sứ đỡ 35 kV	Cái	10.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
34	Cách điện U120 các loại	Cái	13.0	
35	Cách điện U120 các loại	Cái	7.0	
36	Cách điện U120 các loại	Cái	2.0	
37	Cách điện U160 các loại	Cái	36.0	
38	Cách điện U160 các loại	Cái	1,286.0	
39	Cách điện U300 các loại	Bát	48.0	
40	Chuỗi néo đơn 220kV 1 dây ACSR 500	Chuỗi	24.0	
41	Cụm bắt chuỗi đỡ 3648-006	Cái	2.0	
42	Cụm bắt chuỗi néo 182 902-088	Cái	4.0	
43	Cáp điều khiển Cu/PVC/Fr-PVC-S 0.6/1kV 19x1.5 mm2	Mét	153.0	
44	Cáp nhĩ thứ 4x2,5mm2	Mét	18.0	
45	Cáp mạng CAT 5E	Mét	200.0	
46	Dây đồng trần 70 mm2	Mét	6.0	
47	Dây nhôm AAC 500 mm2	Mét	21.0	
48	Dây nhôm AC 500 mm2	Mét	4.5	
49	Dây nhôm AC 500 mm2	Mét	4.5	
50	Dây nhôm AC 500 mm2	Mét	4.5	
51	Dây nhôm AAC 800 mm2	Mét	8.5	
52	Dây nhôm AAC 800 mm2	Mét	4.0	
53	Dây nhôm AAC 885 mm2	Mét	24.0	
54	Dây nhôm AAC 885 mm2	Mét	16.0	
55	Dây nhôm AAC 885 mm2	Mét	24.0	
56	Dây nhôm AAC 885 mm2	Mét	21.0	
57	Dây chống sét TK 50 mm2	Mét	30.0	
58	Cáp đồng Cu/XLPE/DSTA/FR-PVC 0,6/1kV tiết diện 4x16mm2	Mét	120.0	
59	Cáp đồng Cu/FR-PVC 0,6/1kV tiết diện 1x6mm2	Mét	56.0	
60	Cáp Cu/PVC/DSTA/FR-PVC-S 0.6/1kV 2x4mm2	Mét	1,917.0	
61	Cáp Cu/PVC/DSTA/FR-PVC-S 0.6/1kV 4x6mm2	Mét	931.0	
62	Cáp Cu/PVC/DSTA/FR-PVC-S 0.6/1kV 4x2.5mm2	Mét	50.0	
63	Cáp Cu/PVC/PVC/DSTA/FR-PVC-S 0.6/1kV 7x1,5 mm2	Mét	1,586.0	
64	Cáp Cu/PVC/PVC/DSTA/FR-PVC-S 0.6/1kV 10x1,5 mm2	Mét	56.0	
65	Cáp Cu/PVC/PVC/DSTA/FR-PVC-S 0.6/1kV 19x1,5 mm2	Mét	1,203.0	
66	Cáp Cu/PVC/PVC/DSTA/FR-PVC-S 0.6/1kV 14x1,5 mm2	Mét	1,188.0	
67	Cáp Cu/XLPE/FR-PVC/CTS/FR-PVC 12x1,5mm2	Mét	523.0	
68	Cáp Cu/XLPE/FR-PVC/CTS/FR-PVC 12x2,5mm2	Mét	527.0	
69	Cáp Cu/PVC/FR-PVC-S 0.6/1KV 6x1.5 mm2	Mét	93.0	
70	Cáp Cu/XLPE/CTS/PVC 4x2,5mm2	Mét	6,064.0	
71	Cáp Cu/XLPE/CTS/PVC 7x2,5mm2	Mét	6,324.0	
72	Cáp Cu/XLPE/CTS/PVC 7x2,5mm2	Mét	15.0	
73	Cáp Cu/XLPE/CTS/PVC 12x2,5mm2	Mét	5.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
74	Cáp Cu/PVC/PVC-S 4x1,5mm2	Mét	732.0	
75	Cáp Cu/PVC/PVC-S 2x2,5mm2	Mét	1,195.0	
76	Cáp Cu/PVC/PVC-S 2x2,5mm2	Mét	6,875.0	
77	Cáp Cu/PVC/PVC-S 2x2,5mm2	Mét	5.0	
78	Cáp Cu/PVC/PVC-S 10x1,5mm2	Mét	6,551.0	
79	Cáp Cu/PVC/PVC-S 4x4mm2	Mét	370.0	
80	Cáp Cu/PVC/PVC-S 4x4mm2	Mét	10,351.0	
81	Cáp Cu/PVC/PVC-S 4x4mm2	Mét	5.0	
82	Cáp Cu/PVC/PVC-S 10x2,5mm2	Mét	3,053.0	
83	Cáp Cu/PVC/PVC-S 10x2,5mm2	Mét	17.0	
84	Cáp Cu/PVC/PVC-S 14x2,5mm2	Mét	1,837.0	
85	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x10 mm2	Mét	422.0	
86	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/ PVC/ PVC 2*2,5 mm2	Mét	56.0	
87	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/PVC - S 2*4mm2	Mét	168.0	
88	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/PVC - S 4*4mm2	Mét	318.0	
89	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/PVC/PVC 7* 2,5 mm2	Mét	470.0	
90	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/PVC/Fr-S 2*4 mm2	Mét	299.0	
91	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/PVC/PVC-S 4*4 mm2	Mét	990.0	
92	Cáp đồng Cu/PVC 5*1,5 mm2	Mét	50.0	
93	Cáp đồng Cu/PVC 7*1,5 mm2	Mét	20.0	
94	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC/DSTA/FR-PVC-S 2x2.5mm2	Mét	94.0	
95	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/PVC/Data/PVC-S 12*2,5 mm2	Mét	382.0	
96	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/PVC/Data/PVC-S 12*2,5 mm2	Mét	56.0	
97	Cáp đồng Cu/XLPE/Fr-PVC-S 12x1.5 mm2	Mét	219.0	
98	Cáp đồng Cu/PVC 16*2,5 mm2	Mét	5.0	
99	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/XLPE/PVC-S 19*1,5 mm2	Mét	112.0	
100	Cáp kiểm tra bọc giáp Cu/PVC/PVC-S 19*2,5 mm2	Mét	826.0	
101	Cáp điều khiển Cu/XLPE/FR-PVC(24x2,5)	Mét	1,031.0	
102	Cáp điều khiển Cu/XLPE/FR-PVC(4x8)	Mét	3,877.0	
103	Cáp điều khiển Cu/XLPE/FR-PVC(5x1.5)	Mét	9,449.0	
104	Cáp điều khiển Cu/XLPE/FR-PVC(5x2.5)	Mét	5,543.0	
105	Cáp lực 24kV Cu/XLPE/PVC 1*500 mm2	Mét	491.0	
106	Thanh nối bình ắc quy	Cái	90.0	
107	Thanh nối bình ắc quy	Cái	40.0	
108	Thanh ray định vị rơ le, hàng kẹp	Mét	12.0	
109	Kẹp đỡ dây trên sứ	Cái	6.0	
110	Kẹp rẽ nhánh chữ T	Cái	1.0	
111	Kẹp rẽ nhánh chữ T	Cái	6.0	
112	Kẹp rẽ nhánh chữ T	Cái	4.0	
113	Kẹp rẽ nhánh chữ T	Cái	4.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
114	Kẹp rẽ nhánh chữ T	Cái	4.0	
115	Khung định vị	Cái	17.0	
116	Khung định vị	Cái	1.0	
117	Kẹp song song	Cái	9.0	
118	Kẹp song song	Cái	4.0	
119	Bu lông chữ U mạ kẽm	Bộ	384.0	
120	Mắt nối đơn	Cái	4.0	
121	Mắt nối đơn	Cái	8.0	
122	Mắt nối kép	Cái	2.0	
123	Mắt nối kép	Cái	2.0	
124	Mắt nối kép	Cái	2.0	
125	Mắt nối kép	Cái	2.0	
126	Mắt nối điều chỉnh	Cái	1.0	
127	Mắt nối điều chỉnh	Cái	1.0	
128	Mắt nối điều chỉnh	Cái	2.0	
129	Mắt nối điều chỉnh	Cái	4.0	
130	Mắt nối điều chỉnh	Cái	8.0	
131	Móc treo chữ U	Cái	2.0	
132	Móc treo chữ U	Cái	4.0	
133	Móc treo CK	Cái	2.0	
134	Móc treo CK	Cái	2.0	
135	Móc treo CK	Cái	2.0	
136	Khóa đỡ dây dẫn	Cái	4.0	
137	Khóa néo	Cái	1.0	
138	Khóa néo	Cái	1.0	
139	Khóa néo	Cái	8.0	
140	Vòng treo đầu tròn	Cái	1.0	
141	Vòng treo đầu tròn	Cái	2.0	
142	Vòng treo đầu tròn	Cái	4.0	
143	Vòng treo đầu tròn	Cái	4.0	
144	Vòng treo đầu tròn BE-12	Cái	8.0	
145	Khánh	Cái	1.0	
146	Khánh	Cái	2.0	
147	Khánh	Cái	4.0	
148	Tạ chống rung	Cái	4.0	
149	Bộ đệm dây dẫn	Bộ	4.0	
150	Hộp đấu dây	Cái	12.0	
151	Đầu cốt	Cái	1.0	
152	Đầu cốt DCL	Cái	6.0	
153	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	4.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
154	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
155	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
156	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	4.0	
157	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
158	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
159	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
160	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
161	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
162	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	8.0	
163	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
164	Kẹp cực dao cách ly	Cái	12.0	
165	Kẹp cực dao cách ly	Cái	18.0	
166	Kẹp cực dao cách ly	Cái	14.0	
167	Kẹp cực dao cách ly	Cái	8.0	
168	Kẹp cực dao cách ly	Cái	6.0	
169	Kẹp cực dao cách ly	Cái	72.0	
170	Kẹp cực dao cách ly	Cái	15.0	
171	Kẹp cực thiết bị	Cái	39.0	
172	Kẹp cực thiết bị 35kV	Cái	6.0	
173	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	1.0	
174	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	2.0	
175	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	6.0	
176	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	6.0	
177	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	6.0	
178	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	3.0	
179	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	3.0	
180	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	3.0	
181	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	1.0	
182	Kẹp cực thiết bị 220kV	Cái	6.0	
183	Kẹp cực thiết bị 220kV	Cái	2.0	
184	Kẹp cực thiết bị 500kV	Cái	6.0	
185	Kẹp cực Máy cắt	Cái	8.0	
186	Kẹp cực Máy cắt	Cái	6.0	
187	Kẹp cực chữ T	Cái	4.0	
188	Kẹp cực chữ T	Cái	12.0	
189	Kẹp cực chữ T	Cái	6.0	
190	Cổ dè các loại	Kg	8.0	
191	Cổ dè các loại	Kg	8.0	
192	Cổ dè các loại	Kg	16.0	
193	Dao cách ly 3 pha 24kV 2000A 25kA	Bộ	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
194	Dao cách ly 3 pha 110kV 2 tiếp đất	Bộ	1.0	
195	Dao cách ly 3 pha 123kV 1250A 1 tiếp đất	Bộ	2.0	
196	Dao cách ly 3 pha 123kV 1250A 2 tiếp đất	Bộ	1.0	
197	Máy cắt 3 pha 220kV	Bộ	1.0	
198	Máy cắt SF6 3 pha 24kV 2000A 25kA	Cái	1.0	
199	Máy cắt SF6 3 pha 24kV 2000A 25kA	Cái	1.0	
200	Máy cắt SF6 3 pha 24kV 2000A 25kA	Cái	1.0	
201	Chống sét van 110kV	Cái	3.0	
202	Chống sét van 110kV	Cái	3.0	
203	Tủ đựng phương tiện PCCC	Cái	9.0	
204	Tủ điều khiển	Cái	1.0	
205	Tủ điều khiển & bảo vệ	Cái	38.0	
206	Tủ thông tin	Cái	5.0	
207	Tủ đầu dây cho ngăn lộ tổng 110kV (Tủ MK)	Tủ	24.0	
208	Tủ điện	Cái	2.0	
209	Cáp nguồn 2x1.5mm2	Mét	750.0	
210	Cáp quang	Mét	750.0	
211	Cáp đồng trục	Mét	120.0	
212	Tủ đầu nối tại vị trí lắp đặt Camera	Tủ	18.0	
213	Tủ đầu nối tại vị trí lắp đặt Camera	Tủ	8.0	
214	Tủ truyền động Dao cách ly	Cái	1.0	
215	Bu lông thép M12	Bộ	1,836.0	
216	Bu lông thép M16x70mm	Bộ	468.0	
217	Bu lông các loại (vật tư thu hồi)	Kg	2.9	
218	Bu lông các loại	Cái	264.0	
219	Mặt bích DN 100	Cái	4.0	
220	Cổng sắt	Cái	1.0	
221	Quạt treo tường	Cái	13.0	
222	Tủ truyền động bộ OLTC MBA 220kV	Cái	1.0	
223	Lưỡi DCL 220kV	Bộ	36.0	
224	Tiếp điểm chính DCL 220kV	Bộ	12.0	
225	Tiếp điểm chính DCL 220kV	Bộ	3.0	
226	Tiếp điểm chính DCL 220kV	Bộ	9.0	
227	Tiếp điểm chính DCL 220kV	Bộ	9.0	
228	Lưỡi DCL 110kV	Bộ	9.0	
229	Lưỡi DCL 110kV	Bộ	9.0	
230	Dao tiếp địa 110kV	Bộ	18.0	
231	Dao tiếp địa 110kV	Bộ	12.0	
232	Dao tiếp địa 110kV	Bộ	4.0	
233	Tiếp điểm chính DCL 110kV	Bộ	9.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
234	Tủ truyền động DCL 123kV	Cái	2.0	
235	Tủ truyền động DCL	Cái	1.0	
236	Tủ truyền động dao tiếp địa của DCL	Cái	12.0	
237	Tủ truyền động dao tiếp địa của DCL	Cái	2.0	
238	Tủ truyền động dao tiếp địa của DCL	Cái	12.0	
239	Thanh truyền động DTĐ	Cái	1.0	
240	Vỏ tủ máy cắt hộp bộ 24kV	Cái	1.0	
241	Vỏ tủ máy cắt hộp bộ 24kV	Cái	1.0	
242	Vỏ tủ máy cắt hộp bộ 24kV	Cái	1.0	
243	Vỏ tủ máy cắt hộp bộ 24kV	Cái	1.0	
244	Phụ kiện đấu nối	Bộ	1.0	
245	Phụ kiện đấu nối	Bộ	1.0	
246	Vòng bảo vệ	Cái	2.0	
247	Vòng bảo vệ	Cái	2.0	
248	Vòng bảo vệ	Cái	4.0	
249	Vòng bảo vệ	Cái	6.0	
250	Cánh cửa sắt	Cái	5.0	
251	Bình cứu hỏa CO2 - MT24 loại 24kg	Cái	6.0	
252	Tủ đựng vòi chữa cháy	Cái	7.0	
253	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	1.0	
254	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	10.0	
255	Bình chữa cháy MFZ4	Bình	10.0	
256	Bình chữa cháy MT5	Bình	7.0	
257	Bình chữa cháy MT5	Bình	11.0	
258	Bình chữa cháy MFZT 35	Bình	1.0	
	XFG - QBI_XFG_Kho thu hồi bán thanh lý (số 3)			
259	Cùi sứ 160	Cái	2.0	
260	Cùi sứ 160	Cái	1.0	
261	Cùi sứ 160	Cái	4.0	
262	Cùi sứ 160	Cái	3.0	
263	Cùi sứ 160	Cái	4.0	
264	Cùi sứ 160	Cái	1.0	
265	Cùi sứ 160	Cái	2.0	
266	Cùi sứ U 70	Cái	3.0	
267	Cùi sứ U 70	Cái	1.0	
268	Cùi sứ U 70	Cái	3.0	
269	Cùi sứ U 70	Cái	2.0	
270	Cùi sứ U 300	Cái	18.0	
271	Cùi sứ U 300	Cái	4.0	
272	Cùi sứ U 300	Cái	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
273	Cùi sứ U 300	Cái	19.0	
274	Cùi sứ U 300	Cái	33.0	
275	Cùi sứ U 300	Cái	12.0	
276	Cùi sứ 120kN	Cái	4.0	
277	Cùi sứ 120kN	Cái	8.0	
278	Cùi sứ 120kN	Cái	7.0	
279	Cùi sứ 120kN	Cái	14.0	
280	Cùi sứ 120kN	Cái	9.0	
281	Cùi sứ 210	Cái	14.0	
282	Cùi sứ 210	Cái	2.0	
283	Cùi sứ 210	Cái	12.0	
284	Cùi sứ 210	Cái	1.0	
285	Cùi sứ U530	Cái	1.0	
286	Cùi sứ U530	Cái	2.0	
287	Tôn lợp mái	Kg	223.0	
288	Cách điện Composite 120kN	Cái	3.0	
289	Cách điện Composite 120kN	Cái	3.0	
290	Cách điện Composite 120kN	Cái	1.0	
291	Cách điện Composite 210kN	Cái	1.0	
292	Cách điện Composite 210kN	Cái	2.0	
293	Mô phóng đơn	Cái	2.0	
294	Đầu cốt đồng dây 240 mm2	Cái	3.0	
295	Đầu cốt đồng dây 300 mm2	Cái	3.0	
296	Đầu cáp 1*240 mm2 ngoài trời	Bộ	3.0	
297	Đầu cáp 1*300 mm2 ngoài trời	Bộ	3.0	
298	Bu lông thép mạ M14x50mm	Bộ	175.0	
299	Nẹp thép	Kg	28.0	
300	Biển tên đường dây 220kV	Cái	175.0	
	XFH - QTR_XFH_Kho thu hồi bán thanh lý (số 3)			
301	Sắt phế liệu	Kg	64.9	
302	Cùi sứ 160	Cái	4.0	
303	Cùi sứ 160	Cái	9.0	
304	Cùi sứ 160	Cái	1.0	
305	Cùi sứ 160	Cái	3.0	
306	Cùi sứ U 300	Cái	14.0	
307	Cùi sứ U 300	Cái	5.0	
308	Cùi sứ 120kN	Cái	7.0	
309	Cùi sứ 120kN	Cái	1.0	
310	Cùi sứ 120kN	Cái	2.0	
311	Cùi sứ 120kN	Cái	2.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
312	Cùi sứ 120kN	Cái	1.0	
313	Cùi sứ 210	Cái	5.0	
314	Cáp đồng phế liệu	Kg	4.1	
315	Cáp đồng phế liệu	Kg	3.9	
316	Cáp đồng phế liệu	Kg	0.7	
317	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
318	Đầu cáp 24kV 3*120 mm2 ngoài trời	Bộ	2.0	
319	Đầu cáp 24kV 3*120 mm2 trong nhà	Bộ	2.0	
320	Điện trở sấy	Cái	5.0	
321	Bu lông thép M16x25mm	Bộ	244.0	
322	Bu lông thép M16x25mm	Bộ	166.0	
323	Bu lông thép mạ M16x50mm	Bộ	56.0	
324	Mô tơ điện 220VAC-370W	Cái	1.0	
325	Vòi tắm sen	Bộ	2.0	
326	Biển tên đường dây, thứ tự cột	Cái	122.0	
327	Biển tên đường dây, thứ tự cột	Cái	83.0	
	XFI - TTH_XFI_Kho thu hồi bán thanh lý (số 3)			
328	Cùi sứ các loại	Cái	3.0	
329	Cùi sứ các loại	Cái	2.0	
330	Cùi sứ các loại	Cái	4.0	
331	Cùi sứ các loại	Cái	1.0	
332	Cùi sứ các loại	Cái	3.0	
333	Cùi sứ các loại	Cái	1.0	
334	Cùi sứ 160	Cái	2.0	
335	Cùi sứ 160	Cái	19.0	
336	Cùi sứ 160	Cái	2.0	
337	Cùi sứ U 300	Cái	5.0	
338	Cùi sứ U 300	Cái	2.0	
339	Cùi sứ 210	Cái	2.0	
340	Cùi sứ 210	Cái	4.0	
341	Cùi sứ 210	Cái	5.0	
342	Cùi sứ U530	Cái	3.0	
343	Cáp đồng vỏ PVC 2x4mm2	Mét	124.0	
344	Cáp đồng Cu/PVC 3*70 mm2	Mét	15.0	
345	Kẹp cực chống sét van	Cái	1.0	
346	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	30.0	
347	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
348	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6.0	
349	Kẹp cực biến điện áp 35kV cho dây 1x ACSR 240mm2	Bộ	3.0	
350	Kẹp cực biến điện áp 35kV cho dây 1x ACSR 240mm2	Bộ	3.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
351	Chống sét van 35kV 10kA	Cái	1.0	
352	Tủ điện phân phối MSB	Cái	1.0	
353	Bu lông thép M14x50mm	Bộ	96.0	
354	Bu lông thép M14x50mm	Bộ	40.0	
355	Bu lông thép M14x50mm	Bộ	48.0	
356	Bu lông thép mạ M16x50mm	Bộ	36.0	
357	Pít tông máy cưa	Cái	1.0	
358	Đầu cốt đồng 240mm ² (loại ép)	Cái	10.0	
359	Lam máy cưa	Cái	1.0	
360	Lam máy cưa	Cái	1.0	
361	Lam máy cưa	Cái	1.0	
362	Lam máy cưa	Cái	1.0	
363	Lam máy cưa	Cái	1.0	
364	Lưỡi máy cắt cỏ	Cái	16.0	
365	Lưỡi máy cắt cỏ	Cái	4.0	
366	Lưỡi cắt cỏ	Cái	2.0	
367	Lưỡi cắt cỏ	Cái	3.0	
368	Lưỡi cưa STIHL 250	Cái	2.0	
369	Camera IP	Bộ	1.0	
370	Biển báo cấm treo	Cái	48.0	
371	Biển báo cấm treo	Cái	20.0	
372	Biển báo cấm treo	Cái	5.0	
373	Biển báo cấm treo	Cái	24.0	
	XFK - DNA_XFK_Kho thu hồi bán thanh lý (số 3)			
374	Cùi sứ 160	Cái	1.0	
375	Cùi sứ U 70	Cái	3.0	
376	Cùi sứ U 70	Cái	1.0	
377	Cùi sứ U 70	Cái	3.0	
378	Cùi sứ U 70	Cái	11.0	
379	Cùi sứ U 300	Cái	7.0	
380	Cùi sứ U 300	Cái	3.0	
381	Cùi sứ 120kN	Cái	10.0	
382	Cùi sứ U210	Cái	2.0	
383	Cùi sứ U210	Cái	2.0	
384	Cùi sứ U210	Cái	3.0	
385	Cùi sứ 210	Cái	5.0	
386	Cách điện thủy tinh U70/127	Cái	3.0	
387	Cách điện thủy tinh U-70BS	Cái	6.0	
388	Cách điện thủy tinh U-160 BLP	Cái	7.0	
389	Dây cáp quang OPGW 70 mm ²	Mét	656.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
390	Ổng nối dây dẫn ACSR 330/43 mm ²	Cái	32.0	
391	Ổng nối dây dẫn ACSR 400/51 mm ²	Cái	3.0	
392	Khung định vị	Cái	8.0	
393	Ghép lèo 2 rãnh cho 2 dây ACSR 240mm ²	Cái	3.0	
394	Ghép lèo 2 rãnh cho 1 dây ACSR 240mm ² và 1 dây ACSR 500mm ²	Cái	3.0	
395	Khóa néo cáp quang OPGW	Cái	2.0	
396	Khóa néo dây ACSR 330/43	Cái	32.0	
397	Khóa néo dây ACSR 330/53	Cái	8.0	
398	Kẹp cực Chống sét van 110kV cho dây 500	Cái	3.0	
399	Kẹp chữ T cho 1 dây 560 và 1 dây 240	Cái	6.0	
400	Kẹp cực chống sét van 220kV cho dây ACSR 240 mm ²	Cái	3.0	
401	Chống sét van 110kV	Cái	3.0	
402	Chống sét van 220kV	Bộ	3.0	
403	Tủ đấu dây cho ngăn MBA tự dùng 35kV	Cái	2.0	
404	Cáp nguồn 2x1.5mm ²	Mét	250.0	
405	Khóa cửa	Cái	40.0	
406	Van cánh bướm DN100	Cái	1.0	
	XFL - QNA_XFL_Kho thu hồi bán thanh lý (số 3)			
407	Thép V (50x50)mm	Mét	26.0	
408	Thép hộp vuông KT 40x40mm	Mét	2.9	
409	Cùi sứ 160	Cái	2.0	
410	Cùi sứ 160	Cái	10.0	
411	Cùi sứ 210	Cái	6.0	
412	Cờ tiếp địa mạ kẽm	Cái	136.0	
413	Cờ tiếp địa mạ kẽm	Cái	200.0	
414	Cách điện thủy tinh U70	Cái	12.0	
415	Dây điện đôi 2*4,0 mm ²	Mét	80.0	
416	Dây cáp quang OPGW 70 mm ² loại 12 sợi quang	Mét	89.8	
417	Thanh giằng cột các loại	Thanh	4.0	
418	Khung định vị 4 dây nhôm 330/43	Cái	1.0	
419	Khung định vị 4 dây nhôm 330/43	Cái	1.0	
420	Khóa đỡ cáp quang OPGW 70 mm ²	Cái	2.0	
421	Khóa néo ép dây ACSR 400/51	Cái	6.0	
422	Khóa néo ép dây ACSR 500/64	Cái	3.0	
423	Đầu cốt đồng dây 500 mm ²	Cái	12.0	
424	Đầu cốt đồng dây 500 mm ²	Cái	6.0	
425	Đầu cốt đồng dây 500 mm ²	Cái	12.0	
426	Kẹp cực DCL cho dây ACSR 500mm ² và đầu trụ DCL phi 40 (loại đơn ngang)	Cái	1.0	
427	Đầu cáp 1*500 mm ²	Bộ	12.0	
428	Đầu cáp 1*500 mm ²	Bộ	12.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
429	Đầu cáp 1*500 mm2	Bộ	6.0	
430	Cầu dao điện	Cái	3.0	
431	Tủ nạp ắc quy	Cái	1.0	
432	Kẹp cực cho biến dòng 245 kV IOSK	Cái	2.0	
433	Vỏ tủ điện hạ thế (không có thiết bị)	Cái	20.0	
434	Vỏ tủ điện (200x300x150)mm	Cái	12.0	
435	Bu lông thép M12	Bộ	510.0	
436	Bu lông thép M12	Bộ	8.0	
437	Bu lông thép M16x30mm	Bộ	154.0	
438	Bản lề 3D	Bộ	12.0	
439	Ván cánh bướm D150	Cái	1.0	
440	Bộ bánh xe đẩy các loại (gồm: lốp, mâm, bạc đạn)	Bộ	8.0	
441	Quạt hút các loại	Cái	1.0	
442	Tủ bảo cháy trung tâm	Cái	1.0	
443	Biển báo thứ tự pha	Biển	36.0	
444	Biển báo nguy hiểm	Cái	2.0	
445	Biển báo cấm treo	Cái	77.0	
446	Biển báo cấm treo	Cái	52.0	
447	Biển báo cấm treo	Cái	62.0	
	XFN - QNG_XFN_Kho thu hồi bán thanh lý (số 3)			
448	Cùi sứ các loại	Cái	3.0	
449	Cùi sứ 160	Cái	1.0	
450	Cùi sứ 210	Cái	12.0	
451	Sứ xuyên	Cái	2.0	
452	Kẹp cực nhôm thẳng 1 dây 660 mm2	Cái	3.0	
453	Bu lông thép M12	Bộ	62.0	
454	Bu lông thép M12	Bộ	126.0	
455	Bu lông thép M12	Bộ	142.0	
456	Cửa đi các loại (sắt)	Cái	1.0	
457	Bộ đếm sét	Bộ	1.0	
458	Cánh cửa sắt	Cái	1.0	
459	Biển báo thứ tự cột	Cái	94.0	
460	Biển báo thứ tự cột	Cái	71.0	
	CÔNG CỤ, DỤNG CỤ KHÔNG CHỨA CTNH			
a	DỤNG CỤ KHÔNG CHỨA CTNH NĂM 2024			
I	Truyền tải điện Quảng Bình			
1	Can nhựa 20L	Cái	10.0	
	Nhựa phế liệu (0.4kg/ 1 cái)	Kg	4.0	
2	Cuốc bàn	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/ 1 cái)	Kg	1.5	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
3	Cuốc chim	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.7 kg/ 1 cái)	Kg	0.7	
4	Xèng	Cái	18.0	
	Sắt phế liệu (0.3 kg/ 1 cái)	Kg	5.4	
5	Rựa phát tuyến	Cái	10.0	
	Sắt phế liệu (0.7 kg/ 1 cái)	Kg	7.0	
6	Máy mài cầm tay điện	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1kg/ cái)	Kg	1.0	
	Nhựa phế liệu (0.2kg/cái)	Kg	0.2	
7	Thước kẹp 200mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/ cái)	Kg	0.2	
8	Bộ Clê vòng	Bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (1.5kg/ bộ)	Kg	1.5	
9	Loa sắt 30w	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2kg/ cái)	Kg	2.0	
	Nhựa phế liệu (1 kg/cái)	Kg	1.0	
10	Kết bạc	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (13kg/ cái)	Kg	13.0	
11	Thước kẹp 200mm	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/ cái)	Kg	0.4	
12	Cuốc bàn	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/ 1 cái)	Kg	1.2	
13	Cuốc chim	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.7 kg/ 1 cái)	Kg	0.7	
14	Xèng	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.3 kg/ 1 cái)	Kg	0.6	
15	Xà beng	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (3kg/ cái)	Kg	6.0	
16	Rựa phát tuyến	Cái	7.0	
	Sắt phế liệu (0.7 kg/ 1 cái)	Kg	4.9	
17	Múp thép 1 tầng phi 15-20 - 5T	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1.5 kg/ 1 cái)	Kg	1.5	
18	Tay lắc vận hai chiều 250mm	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/ cái)	Kg	0.4	
19	Tay lắc vận hai chiều 650mm	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.5kg/ cái)	Kg	1.0	
20	Tăng đơ xích Nito 6 tấn	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (24kg/ cái)	Kg	24.0	
21	Kìm điện các loại	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/ cái)	Kg	0.4	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
22	Clê tròn M 30	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/ cái)	Kg	0.8	
23	Clê tròn M36	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/ cái)	Kg	0.4	
24	Cáp thép phi 8,5	Mét	50.0	
	Sắt phế liệu (0.35kg/1m)	Kg	17.5	
25	Cáp thép mềm D14	Mét	58.0	
	Sắt phế liệu (1.4kg/1m)	Kg	81.2	
26	Kính hàn	Cái	4.0	
	Nhựa phế liệu	Kg	0.5	
27	CK - 7	Bộ	13.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/ cái)	Kg	2.6	
28	Giường xếp vải	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (3kg/ 1 cái)	Kg	12.0	
29	Kìm điện các loại	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/1 cái)	Kg	1.2	
30	Xích máy cưa	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/1 cái)	Kg	0.4	
31	Cuốc bàn	Cái	10.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/1Cái)	Kg	3.0	
32	Xềng	Cái	10.0	
	Sắt phế liệu (0.3 kg/ 1 cái)	Kg	3.0	
33	Rựa	Cái	20.0	
	Sắt phế liệu (0.7 kg/ 1 cái)	Kg	14.0	
34	Búa tạ 5kg	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5 kg/ 1 cái)	Kg	5.0	
35	Can nhựa 20L	Cái	2.0	
	Nhựa phế liệu (0.4kg/ 1 cái)	Kg	0.8	
36	Clê tròn M22 - 24	Cái	6.0	
	Sắt phế liệu (0.4 kg/ 1 cái)	Kg	2.4	
37	Clê vòng 2 đầu 19*21mm	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0.2 kg/ 1 cái)	Kg	1.0	
38	Bộ Clê vòng các loại	Bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (4 kg/ bộ)	Kg	4.0	
39	Kìm tuốt dây Kapusi 0,2-6mm2	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.4 kg/ 1 cái)	Kg	0.4	
40	Mỏ lết 250mm cán bộ cao su cách điện cao cấp	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.4 kg/ 1 cái)	Kg	0.4	
41	Ổn áp Lyoa 2000W	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (6kg/1Cái)	Kg	6.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
	Đồng phế liệu (1kg/ 1 Cái)	Kg	1.0	
42	Bộ nạp ắc quy	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (6kg/1Cái)	Kg	6.0	
	Đồng phế liệu (1kg/ 1 Cái)	Kg	1.0	
43	Mặt nạ hàn	Cái	3.0	
	Nhựa thanh lý (0.2Kg /1cái)	Kg	0.6	
44	Kính bảo hộ	Cái	2.0	
	Nhựa thanh lý (0.2Kg /1cái)	Kg	0.4	
II	Truyền tải điện Quảng Trị			
1	Bàn đục lỗ	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/ 1 cái)	Kg	0.3	
2	Máy xịt nước áp lực cao	Bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (2kg/ 1cái)	Kg	2.0	
	Nhựa phế liệu (0,2kg/cái)	Kg	0.2	
3	Ổ cắm điện	Cái	4.0	
	Nhựa phế liệu (0,2kg/cái)	Kg	0.8	
4	Ổ cắm Lioa	Cái	3.0	
	Nhựa phế liệu (0,2kg/cái)	Kg	0.6	
5	Quạt treo tường Senko	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (1,5kg/ 1cái)	Kg	6.0	
6	Quạt điện	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (1,5kg/ 1cái)	Kg	3.0	
7	Quạt treo tường SenKo	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (1,5kg/ 1cái)	Kg	3.0	
8	Loa nén phóng thanh TOA SC-630M 30W	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,5kg/ 1cái)	Kg	0.5	
9	Nồi cơm điện Sharp	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,4kg/ 1cái)	Kg	0.4	
	Nhựa phế liệu (0,2kg/cái)	Kg	0.2	
10	Búa tay	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,4kg/ 1cái)	Kg	0.4	
11	Cáp thép phi 12	Mét	100.0	
	Sắt phế liệu (2kg/ mét)	Kg	200.0	
12	Cọc nhe	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/Cái)	Kg	0.6	
13	Cụm thay sứ đỡ lèo 500	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/Cái)	Kg	0.3	
14	Cụm thay sứ đỡ thẳng ĐZ500 kV	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/Cái)	Kg	0.3	
15	Cuốc	Cái	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
15	Sắt phế liệu (0,3kg/Cái)	Kg	0.3	
16	Đục sắt các loại (Ve chặt sắt)	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2kg/Cái)	Kg	0.2	
17	Khung cửa sắt cầm tay	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (10kg/Cái)	Kg	10.0	
18	Kìm mũi nhọn	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.2	
19	Mỏ lết 12 inch	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,5kg/Cái)	Kg	0.5	
20	Rựa	Cái	6.0	
	Sắt phế liệu (0,5kg/Cái)	Kg	3.0	
21	Rựa	Cái	12.0	
	Sắt phế liệu (0,5kg/Cái)	Kg	6.0	
22	Thước thép 5m	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.2	
	Nhựa phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.2	
23	Thước thép 5m	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.2	
	Nhựa phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.2	
24	Tròng 22-24 Mỹ	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2kg/Cái)	Kg	0.2	
25	Tròng 22-24	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2kg/Cái)	Kg	0.2	
26	Tuốc nơ vít	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.1	
27	Xà beng	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (3kg/1Cái)	kg	3.0	
28	Xà beng	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (3kg/1Cái)	kg	3.0	
29	Bảng tên nội quy và tiêu lệnh PCCC	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/1Cái)	kg	1.2	
30	Bảng tên nội quy và tiêu lệnh PCCC	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/1Cái)	kg	1.2	
31	Thùng nhựa đựng rác 200 lít	Cái	1.0	
	Nhựa phế liệu (4kg/1Cái)	kg	4.0	
32	Búa tạ 5kg	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5kg/1Cái)	kg	5.0	
33	Bu ly nhôm 200	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (5kg/1Cái)	kg	5.0	
34	Bu ly thép TQ	Cái	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
34	Sắt phế liệu (5kg/1Cái)	Kg	5.0	
35	Cờ lê vòng 18mm C'Mart	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,2kg/Cái)	Kg	0.4	
36	Cọc nhe	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,2kg/Cái)	Kg	0.4	
37	Cuốc	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,2kg/Cái)	Kg	0.4	
38	Khung cửa sắt cầm tay C'Mart	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2kg/Cái)	Kg	0.2	
39	Mô lét 300 Mỹ	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/Cái)	Kg	0.9	
40	Ổng nhôm đơn Lazer 550A S	Chiếc	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.1	
41	Ổng nhôm Bushnell	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.1	
42	Tăng đơ xích 6 tấn Kawasaki	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (15kg/Cái)	Kg	15.0	
43	Rựa	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu (0,5kg/Cái)	Kg	1.5	
44	Rựa	Cái	12.0	
	Sắt phế liệu (0,5kg/Cái)	Kg	6.0	
45	Tròng 30-32 TQ	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/Cái)	Kg	1.2	
46	Tiếp địa di động có dây đồng mềm >35mm ²	Bộ	1.0	
	Đồng phế liệu (4,5kg/Bộ)	Kg	4.5	
47	Xà beng	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (3kg/Cái)	Kg	3.0	
48	Bảng tuyên truyền văn hóa doanh nghiệp	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/Cái)	Kg	1.2	
49	Bình ga Petro	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (4kg/Cái)	Kg	4.0	
50	Giá để tivi	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2kg/Cái)	Kg	0.2	
51	Ghế cố định MC 02 màu đỏ - Hòa Phát	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (1,2kg/Cái)	Kg	6.0	
52	Ghế nhựa Đại Đồng Tiến	Cái	5.0	
	Nhựa phế liệu (0,7kg/Cái)	Kg	3.5	
53	Ghế nệm xoay, tựa lưng bọc da, có gác tay	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (2,5kg/Cái)	Kg	5.0	
54	Giá đỡ bình chữa cháy	Cái	12.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
54	Sắt phế liệu (1,5kg/Cái)	Kg	18.0	
55	Khung nhôm trực bảo vệ nhôm kính KT 1,5x1,5x2,35m	Bộ	1.0	
	Nhôm phế liệu (0,9kg/Cái)	Kg	0.9	
56	Thang nhôm chữ A loại 5m	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (5,2kg/Cái)	Kg	5.2	
57	Thước thép 5m	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.2	
	Nhựa phế liệu (0,1kg/Cái)	Kg	0.2	
58	Bình đun nước siêu tốc sunhouse SHD 1370; Công suất 1500W-1.7 lít	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/Cái)	Kg	0.3	
59	Xô nhựa loại 15 lít	Cái	10.0	
	Nhựa phế liệu (2kg/Cái)	Kg	20.0	
60	Bình chữa cháy MT3	Bình	3.0	
	Sắt phế liệu (4kg/ 1cái)	Kg	12.0	
61	Bình chữa cháy MFZ4	Bình	5.0	
	Sắt phế liệu (4kg/ 1cái)	Kg	20.0	
62	Bình chữa cháy bột ABC	Bình	5.0	
	Sắt phế liệu (4kg/ 1cái)	Kg	20.0	
III	Truyền tải điện Thừa Thiên- Huế			
1	Máy đục lỗ	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg/cái)	Kg	0.3	
2	Quạt cây Mitsubishi LV16	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2kg/cái)	Kg	2.0	
	Nhựa phế liệu (2,5kg/cái)	Kg	2.5	
	Đồng phế liệu (0,8kg/cái)	Kg	0.8	
3	Máy đục lỗ	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg/cái)	Kg	0.3	
4	Mặt nạ phòng độc	Cái	1.0	
	Nhựa phế liệu (0,5kg/cái)	Kg	0.5	
5	Cờ lê tròn 17	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
6	Cờ lê tròn 19	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
7	Đầu tuýp 17mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,02kg/cái)	Kg	0.0	
8	Đầu tuýp 18mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,02kg/cái)	Kg	0.0	
9	Đầu tuýp 19mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,02kg/cái)	Kg	0.0	
10	Đầu tuýp các loại	Cái	2.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
10	Sắt phế liệu (0,02kg/cái)	Kg	0.0	
11	Cuốc	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/cái)	Kg	0.6	
12	Ổ cắm điện loại rulô quay 50m	Cái	1.0	
	Đồng phế liệu (0,0267kg/mét)	Kg	1.3	
13	Cờ lê vòng 2 đầu 17x19mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,15 kg/cái)	Kg	0.2	
14	Cờ lê trơn 24	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,12 kg/cái)	Kg	0.1	
15	Cờ lê dẹt hai đầu 22x24mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,22 kg/cái)	Kg	0.2	
16	Cờ lê trơn 6	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
17	Cờ lê trơn 8	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
18	Cờ lê trơn dẹt 10	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
19	Xềng	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	0.4	
20	Rựa	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,25 kg/cái)	Kg	0.5	
21	Cuốc	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg/cái)	Kg	0.6	
22	Nồi cơm điện Sharp	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1kg/cái)	Kg	1.0	
23	Vỏ thùng phuy 200 lít	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu 8kg/cái)	Kg	16.0	
24	Mũ nhựa an toàn	Cái	1.0	
	Nhựa phế liệu (0,2kg/cái)	Kg	0.2	
25	Mũ nhựa an toàn điện màu trắng S51 - Bullard	Cái	1.0	
	Nhựa phế liệu (0,2kg/cái)	Kg	0.2	
26	Bộ cà lê 8-24mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1kg/bộ)	Kg	1.0	
27	Bộ lục giác các loại	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,3kg/bộ)	Kg	0.3	
28	Cờ lê mỏ lết 12 inch	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	0.6	
29	Cuốc	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg/cái)	Kg	0.6	
30	Cưa sắt cầm tay	Cái	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
30	Sắt phế liệu (0,35kg/cái)	Kg	0.4	
31	Kim bấm các loại	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
32	Kim các loại	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,15 kg/cái)	Kg	0.3	
33	Máy cưa cắt cầm tay	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1kg/cái)	Kg	1.0	
34	Xèng	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	1.0	
35	Kim bấm cáp mạng	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
36	Kim tuốt dây	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
37	Kim bấm cáp mạng	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
38	Bộ test cáp mạng	Cái	1.0	
	Nhựa phế liệu (0,05kg/cái)	Kg	0.1	
39	Máy bơm nước 1 HP-Trung Quốc	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2,5 kg/cái)	Kg	2.5	
	Đồng phế liệu (0,2kg/cái)	Kg	0.2	
40	Xô xách nước	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	0.4	
41	Búa tạ	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (3kg/cái)	Kg	6.0	
42	Bình phun nước đeo vai cơ	Cái	1.0	
	Nhựa phế liệu (5kg/cái)	Kg	5.0	
43	Xô nhựa 10 lít	Cái	5.0	
	Nhựa phế liệu (0,2kg/cái)	Kg	1.0	
44	Cờ lê vòng 16mm	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.2	
45	Múp 1 tầng 1T	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (1,1kg/cái)	Kg	2.2	
46	Puly sắt đơn 0,5 tấn GRANE PULLEY	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (1kg/cái)	Kg	5.0	
47	Puly sắt đơn 5 tấn.	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (15kg/cái)	Kg	15.0	
48	Xà beng	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (3kg/cái)	Kg	12.0	
49	Xèng	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
50	Rựa	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0,25 kg/cái)	Kg	1.3	
51	Cờ lê tròn 24	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,15 kg/cái)	Kg	0.3	
52	Mô lét 12 inch	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,15 kg/cái)	Kg	0.2	
53	Mô lét 15 inch	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,15 kg/cái)	Kg	0.2	
54	Mô lét 18 inch	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	0.2	
55	Mô lét 15 inch	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,15 kg/cái)	Kg	0.2	
56	Tuốc nơ vít bake 5x200mm	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0,01 kg/cái)	Kg	0.1	
57	Búa tạ 5kg	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5kg/cái)	Kg	5.0	
58	Cuốc	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg/cái)	Kg	1.5	
59	Rựa	Cái	10.0	
	Sắt phế liệu (0,25 kg/cái)	Kg	2.5	
60	Rựa	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0,25 kg/cái)	Kg	1.3	
61	Thước thép	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg/cái)	Kg	0.3	
62	Giá đỡ máy Flycam	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg/cái)	Kg	0.3	
63	Kính hàn	Cái	2.0	
	Nhựa phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.2	
64	Mặt nạ hàn	Cái	1.0	
	Nhựa phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	0.2	
65	Cuốc	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg/cái)	Kg	1.5	
66	Xèng	Cái	24.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	4.8	
67	Kìm cách điện	Cái	7.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.7	
68	Can nhựa 5 lít	Cái	10.0	
	Nhựa phế liệu (0,1kg/cái)	Kg	1.0	
69	Rựa	Cái	19.0	
	Sắt phế liệu (0,25 kg/cái)	Kg	4.8	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
70	Dao cắt sợi quang	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
71	Kim tuốt sợi quang	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
72	Rựa	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,25 kg/cái)	Kg	0.3	
73	Rựa	Cái	10.0	
	Sắt phế liệu (0,25 kg/cái)	Kg	2.5	
74	Tiêu lệnh PCCC	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	0.4	
75	Can nhựa 5 lít	Cái	5.0	
	Nhựa phế liệu (0,1kg/cái)	Kg	0.5	
76	Xèng	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	Kg	1.0	
77	Cáp lùa f10	Cái	100.0	
	sắt phế liệu (0,5kg/mét)	Kg	50.0	
78	Cáp lùa f10	M	200.0	
	sắt phế liệu (0,5kg/mét)	Kg	100.0	
79	Cờ lê mỏ lết 12 inch	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.2	
80	Cờ lê trơn 17-19	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
81	Thang nhôm	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (3,5kg/cái)	Kg	3.5	
82	Cuốc	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg/cái)	Kg	0.6	
83	Puly sắt đơn 1,5 tấn	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1kg/cái)	Kg	1.0	
84	Can nhựa 5 lít	Cái	5.0	
	Nhựa phế liệu (0,2kg/cái)	Kg	0.5	
85	Cần tuýp các loại	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	Kg	0.1	
86	Búa tạ 5kg	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (5kg/cái)	Kg	10.0	
IV	Truyền tải điện Đà Nẵng			
1	Giá đỡ vật tư dụng cụ	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (3 kg/1 cái)	kg	15.0	
2	Đồng hồ quả lắc đứng	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1kg/1 cái)	kg	0.1	
	Quạt điện Mitsubishi	Cái	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
4	Đồng nát (0.05 kg/ cái)	kg	0.1	
	Sắt phế liệu (0.5 kg/cái)	kg	0.5	
5	Tiếp địa di động 500kV	Sợi	2.0	
	Đồng nát (0.5 kg/ bộ)	kg	1.0	
6	Tăng đơ 6,2 tấn- KONDO	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5 kg/ cái)	kg	5.0	
7	Cáp thép d12	m	200.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/ m)	kg	40.0	
8	Cáp thép d12 x 100m	m	100.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/ m)	kg	20.0	
9	Cáp thép d12 x 60m	m	60.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/ m)	kg	12.0	
10	Mũi khoan từ đường kính 18mm	Cái	7.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/ cái)	kg	0.7	
11	Ổng tăng Q140	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0,5 kg/ cái)	kg	2.0	
12	Thang nhôm	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (2 kg/ cái)	kg	2.0	
13	Bình CO2 (phòng BTS)	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (10 kg/ cái)	kg	40.0	
14	Bình chữa cháy MFZ35	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (25 kg/ cái)	kg	50.0	
15	Bình cứu hỏa bột khô BC MFZT35	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (25 kg/ cái)	kg	50.0	
16	Bình CO2 T.Quốc	Cái	16.0	
	Sắt phế liệu (10 kg/ cái)	kg	160.0	
17	Bình CO2 loại	Cái	10.0	
	Sắt phế liệu (10 kg/ cái)	kg	100.0	
18	Bình CO2 loại trung	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (25kg/cái)	kg	50.0	
19	Bình chữa cháy MFZ8	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (7 kg/ cái)	kg	7.0	
20	Bình chữa cháy MFZ8	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (7 kg/ cái)	kg	35.0	
21	Vò thùng phuy 200 lít	Cái	6.0	
	Sắt phế liệu (2 kg/ cái)	kg	12.0	
22	Dụng cụ phát hiện rò khí SF6	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.2 kg/ cái)	kg	0.2	
23	Bếp ga Rinai	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.3 kg/ cái)	kg	0.3	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
V	Truyền tải điện Quảng Nam			
1	Bàn tròn Inox	Cái	1.0	
	Inox phế liệu (5,5kg/1 cái)	Kg	5.5	
2	Kéo cắt cỏ	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/Cái)	Kg	0.3	
3	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	2.0	
	Sắt phế liệu (7kg/1bình)	Kg	14.0	
4	Tăng đơ 6Tấn BRAVOTRACTER	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (10kg/1Cái)	Kg	10.0	
5	Cà lê 18	cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.1kg/1Cái)	Kg	0.2	
6	Cáp thép Φ10 x 150m tết 2 đầu	sợi	1.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/1mét)	Kg	45.0	
7	Cọc nhe (L75x75x6)x1,5m	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (7.5kg/1Cái)	Kg	37.5	
8	Puly sắt 0,5 tấn	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.5kg/1Cái)	Kg	0.5	
9	Puly sắt 2 tấn	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1.5kg/1Cái)	Kg	1.5	
10	Chảo	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (0.2kg/Cái)	Kg	0.2	
11	Soong 20 lít	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (1.2kg/Cái)	Kg	1.2	
12	Thau nhôm	Cái	2.0	
	Nhôm phế liệu (0.2kg/Cái)	Kg	0.4	
13	Bình chữa cháy CO2 - MT5	Bình	1.0	
	Sắt phế liệu (11.5kg/1bình)	Kg	11.5	
14	Bình bột MFZ2	Bình	1.0	
	Sắt phế liệu (0.48kg/1bình)	Kg	0.5	
15	Máy ép tay thủy lực 30T-PRE 630	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (10kg/1Cái)	Kg	10.0	
16	Tăng đơ xích 6 tấn Nitto	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (10kg/1Cái)	Kg	20.0	
17	Cà lê trong 24	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0.12kg/1Cái)	Kg	0.6	
18	Cà lê 36	cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.14kg/1Cái)	Kg	0.3	
19	Cà lê 41	cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.16kg/1Cái)	Kg	0.3	
20	Cà lê 24-27	cái	2.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
20	Sắt phế liệu (0.12kg/1Cái)	Kg	0.2	
21	Cà lê 30-32	cái	3.0	
	Sắt phế liệu (0.15kg/1Cái)	Kg	0.5	
22	Mò lét 250	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/1Cái)	Kg	0.4	
23	Mò lét 450	cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.32kg/1Cái)	Kg	0.6	
24	Cáp thép Φ8,5 dài 80 m tếp 2 đầu	Cuộn	1.0	
	Sắt phế liệu (0.25kg/1mét)	Kg	20.0	
25	Cáp thép Φ10 dài 1m	sợi	5.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/1mét)	Kg	1.5	
26	Puly Sắt 5 tấn	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (3kg/Cái)	Kg	3.0	
27	Puly Sắt 20 tấn	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5kg/Cái)	Kg	5.0	
28	Puly Sắt 5 tấn	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (3kg/1cái)	Kg	3.0	
29	Cuốc bàn	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/1cái)	Kg	0.3	
30	Xèng	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/cái)	Kg	0.2	
31	Ấm điện	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (0.2kg/Cái)	Kg	0.2	
32	Puly sắt 2 tấn 1tầng	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1.5kg/1Cái)	Kg	1.5	
33	Puly sắt 3 tấn 1tầng	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2kg/1Cái)	Kg	2.0	
34	Puly sắt 5 tấn	cái	2.0	
	Sắt phế liệu (3kg/1Cái)	Kg	3.0	
35	Puly Nhôm MP6	cái	6.0	
	Nhôm phế liệu (1.2kg/Cái)	Kg	7.2	
36	Thang 4m 2 đoạn	cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (5.2kg/Cái)	Kg	5.2	
37	Tuýp 24	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.01kg/1Cái)	Kg	0.0	
38	Tuýp 30 +Cần tuýp	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/1Cái)	Kg	0.2	
39	Tuýp 36 +Cần tuýp	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.25kg/1Cái)	Kg	0.3	
40	Tuýp 41 +Cần tuýp	cái	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
40	Sắt phế liệu (0.3kg/1Cái)	Kg	0.3	
41	Xèng	cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/1Cái)	Kg	0.2	
42	Đầu tuýp 24	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.01kg/1Cái)	Kg	0.0	
43	Đầu tuýp 30	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.012kg/1Cái)	Kg	0.0	
44	Đầu tuýp 36	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.014kg/1Cái)	Kg	0.0	
45	Đầu tuýp 41	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.016kg/1Cái)	Kg	0.0	
46	Đầu tuýp 46	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.018kg/1Cái)	Kg	0.0	
47	Coóc nhe nhiều kích thước	cái	10.0	
	Sắt phế liệu (6.5kg/1Cái)	Kg	65.0	
48	Xèng đa năng	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1kg/1Cái)	Kg	1.0	
49	Ròng rọc 500kg	cái	3.0	
	Sắt phế liệu (0.5kg/1Cái)	Kg	1.5	
50	Xà beng	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (3kg/1Cái)	Kg	6.0	
51	Cuốc	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/1Cái)	Kg	0.6	
52	Cuốc chim	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.5kg/1Cái)	Kg	0.5	
53	Cáp thép mềm D10	Mét	190.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/1mét)	Kg	57.0	
54	Lưỡi máy cắt cỏ	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.1kg/1Cái)	Kg	0.2	
55	Cọc nhe (L75x75x6)x1,5m	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (7.5kg/1Cái)	Kg	7.5	
56	Cuốc bàn	Cái	6.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/1Cái)	Kg	1.8	
57	Xèng	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/1Cái)	Kg	0.8	
58	Tủ nhôm 0,8m X 1,2m	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (2.2kg/Cái)	Kg	2.2	
59	Lưỡi cắt sắt	Cái	10.0	
	Sắt phế liệu (0.01kg/1Cái)	Kg	0.1	
60	Tuốc nơ vít bake (4 châu) các loại	Cái	3.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
60	Sắt phế liệu (0.02kg/1Cái)	Kg	0.1	
61	Ghế xoay phòng tổ trưởng	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2kg/1Cái)	Kg	2.0	
62	Kệ sắt	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5kg/1Cái)	Kg	5.0	
63	Tủ 304 Léco 2 tầng	cái	2.0	
	Sắt phế liệu (5kg/1Cái)	Kg	10.0	
64	Tủ nhiều ngăn	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5kg/1Cái)	Kg	5.0	
65	Tủ tài liệu	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5kg/1Cái)	Kg	5.0	
66	Giá đỡ bình cứu hoả	cái	12.0	
	Sắt phế liệu (0.5kg/1Cái)	Kg	6.0	
67	Mũ BHLĐ khách tham quan	cái	2.0	
	Nhựa phế liệu (0.0 5kg/1Cái)	Kg	0.1	
68	Kim bấm các loại	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.05kg/1Cái)	Kg	0.1	
69	Tuốc nơ vít	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.01kg/1Cái)	Kg	0.0	
70	Ê tô -	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5kg/1Cái)	Kg	5.0	
71	Kim bấm đầu cốt dây	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.05kg/1Cái)	Kg	0.1	
72	Kim cắt dây -	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.05kg/1Cái)	Kg	0.1	
73	Kim điện	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.05kg/1Cái)	Kg	0.1	
74	Mô lét 250" -	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/1Cái)	Kg	0.2	
75	Mô lét 300" -	cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.3kg/1Cái)	Kg	0.3	
76	Típ 17	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0.01kg/1Cái)	Kg	0.0	
77	Típ 19	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0.011kg/1Cái)	Kg	0.0	
78	Típ từ 10-32 (Đức)	bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (1.5kg/1bộ)	Kg	1.5	
79	Bộ tuôcnovít (10 cái)	bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (0.1kg/1bộ)	Kg	0.1	
80	Xe rửa - VN	Cái	1.0	



STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
80	Sắt phế liệu (7kg/1cái)	Kg	7.0	
81	Ghế xoay bọc nệm (550*530*865*990)	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2kg/1cái)	Kg	2.0	
82	Tiếp địa lưu động dây đồng mềm >35mm2--Fameca	Sợi	1.0	
	Đồng phế liệu (3kg/1Sợi)	Kg	3.0	
83	Xèng	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu (0.2kg/1cái)	Kg	0.6	
84	Thang nhôm chữ A dài 3m	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (4.2kg/Cái)	Kg	4.2	
85	Cuộc bàn	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0.03kg/1Cái)	Kg	0.1	
86	Kim bấm các loại	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0.05kg/1Cái)	Kg	0.1	
87	Tuốc nơ vít	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu (0.01kg/1Cái)	Kg	0.1	
88	Thang nhôm chữ A 5m	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (6.2kg/Cái)	Kg	6.2	
89	Tuốc nơ vít cách điện (bộ 7 món KT: 2 đến 4mm)	Bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (0.01kg/1Cái)	Kg	0.1	
VI	Truyền tải điện Quảng Ngãi			
1	Máy in đầu cốt -tape	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/ cái)	kg	0.2	
2	Ổng nhôm đo khoảng cách	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/ cái)	kg	0.2	
3	Ổng nhôm Nikula	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/ cái)	kg	0.2	
4	Quạt cây Senko	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (0.5kg/ cái)	kg	0.5	
	Đồng phế liệu: (0.2kg/Cái)	kg	0.2	
	Nhựa phế liệu: (0.2kg/Cái)	kg	0.2	
5	Bộ đầu tuýp lục giác	Bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/ cái)	kg	0.1	
6	Cáp thép mềm phi 10	Mét	143.0	
	Sắt phế liệu (0,035 kg/m)	kg	5.0	
7	Cáp thép mềm phi 14	Mét	143.0	
	Sắt phế liệu (0,035 kg/m)	kg	5.0	
8	Cáp thép mềm phi 18	Mét	70.0	
	Sắt phế liệu (0,0714 kg/m)	kg	5.0	
9	Đầu tuýp 36	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/ cái)	kg	0.2	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
10	Đầu tuýp 41	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/ cái)	kg	0.2	
11	Đầu tuýp 46	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/ cái)	kg	0.2	
12	Đầu tuýp 50	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/ cái)	kg	0.3	
13	Đầu tuýp 55	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/ cái)	kg	0.2	
14	Mô tơ 1.5HP (Rửa xe)	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1kg/cái)	kg	1.0	
	Đồng phế liệu (0,2kg/cái)	kg	0.2	
15	Ổng nhôm thường AP20*50 ALPEN	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/ cái)	kg	0.2	
16	Xe đạp ra dây	chiếc	2.0	
	Sắt phế liệu (0,5 kg/ cái)	kg	1.0	
17	Cân đồng hồ 60kg Nhơn Hòa	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2 kg/ cái)	kg	2.0	
18	Kìm bấm cáp mạng	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/ cái)	kg	0.1	
19	Kìm bấm chết mũi cong	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/ cái)	kg	0.1	
20	Kìm bấm đầu cốt nhự thứ	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/ cái)	Kg	0.1	
21	Máy mài 2 đá 220V(ĐL) SHEN DAR G8C	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (3 kg/ cái)	kg	3.0	
22	Máy sục 30AH TUAN LOAN	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2 kg/ cái)	kg	2.0	
23	Quạt điện	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (0.5kg/ cái)	kg	0.5	
	Đồng phế liệu: (0.2kg/Cái)	kg	0.2	
	Nhựa phế liệu: (0.2kg/Cái)	kg	0.2	
24	Tủ hồ sơ Hòa Phát (sắt) có kính	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (5 kg/cái)	kg	10.0	
25	Xe rửa	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2 kg/cái)	kg	2.0	
26	Bảng hiệu đèn LED chạy chữ thực thi văn hóa EVNNPT: - Kích thước mặt LED: 0.48m x 2.88m	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2 kg/cái)	kg	2.0	
27	Bộ nạp khí MC 220KV-AREVA	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1 kg/cái)	kg	1.0	
28	Cà lê 10-32	Cái	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
28	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	kg	0.1	
29	Cà lê 8-24	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	kg	0.1	
30	Cọc nhe sắt 1,5m	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu (0,25 kg/cái)	kg	1.0	
31	Cửa sắt cầm tay	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1 kg/cái)	kg	1.0	
32	Giá để dụng cụ chữa cháy	Cái	12.0	
	Sắt phế liệu (0,5kg/cái)	kg	6.0	
33	Kềng PCCC + giá đỡ	Bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (1 kg/cái)	kg	1.0	
34	Kim bấm chết	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	kg	0.1	
35	Kim bấm ri vê	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	kg	0.1	
36	Máy cắt sắt Korea 2200W KEYANG (001687)	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (3 kg/cái)	kg	3.0	
37	Quạt điện	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (0.5kg/ cái)	kg	0.5	
	Đồng phế liệu: (0.2kg/Cái)	kg	0.2	
	Nhựa phế liệu: (0.2kg/Cái)	kg	0.2	
38	Tủ tài liệu sắt 2 cửa	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5 kg/cái)	kg	5.0	
39	Bộ dụng cụ sửa chữa đa năng bao gồm máy khoan BOSCH GSB550 SET và các dụng cụ đi kèm 100 món	Bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (0,5 kg/cái)	kg	0.5	
40	Máy bơm thả chìm 2,5HP	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (1 kg/cái)	kg	1.0	
	Đồng phế liệu (0,2kg/cái)	kg	0.2	
41	Cuốc bàn	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/cái)	kg	0.6	
42	Cuốc chìm	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,3 kg / cái)	kg	0.6	
43	Đèn pin xách tay Supfire M15, chiếu sáng xa, sạc dự phòng	Cái	6.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/cái)	kg	0.6	
44	Quạt cây	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (0.5kg/ cái)	kg	0.5	
	Đồng phế liệu: (0.2kg/Cái)	kg	0.2	
	Nhựa phế liệu: (0.2kg/Cái)	kg	0.2	
45	Tăng đơ xích 3 tấn	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (5 kg / cái)	kg	5.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
46	Thang nhôm chữ A: Chiều cao tối đa: 5,8 m, có đế cao su chống trượt và hệ thống chốt khóa an toàn thực đồng	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (2kg/cái)	kg	2.0	
VII	Truyền tải điện Kon Tum			
1	Cà lê tròn 30mm	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu: (0.3/ cái)	Kg	0.6	
2	Cà lê tròn 13x15mm	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu: (0.2/ cái)	Kg	0.8	
3	Cuốc	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu: (0.5/ cái)	Kg	1.5	
4	Xèng	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu: (0.4/ cái)	Kg	1.2	
5	Rựa	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu: (0.3/ cái)	Kg	1.5	
6	Cà lê tròn các loại	Cái	12.0	
	Sắt phế liệu: (0.2/ cái)	Kg	2.4	
7	Cờ lê tròn 24	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu: (0.2/ cái)	Kg	0.6	
8	Đầu tuýp các loại (17mm;18mm;19mm;22mm;24mm)	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu: (0.04/ cái)	Kg	0.2	
9	Ghế ra dây (Gia công)	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (1.8kg/ cái)	Kg	1.8	
10	Xèng	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu: (0.4kg/ cái)	Kg	2.0	
11	Tuốc nơ vít dẹt 3x100mm	Cái	6.0	
	Sắt phế liệu: (0.03kg/ cái)	Kg	0.2	
12	Rựa	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu: (0.3kg/ cái)	Kg	1.5	
13	Ghế tựa khung sơn sắt tĩnh điện(470x485x910)mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (1.6kg / cái)	Kg	1.6	
14	Bình cứu hỏa MFZ8	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (3kg/ cái)	Kg	3.0	
15	Ống nhôm thường AP20x50 ALPEN	Cái	1.0	
	nhựa phế liệu: (0.5kg/ cái)	Kg	0.5	
16	Cờ lê tròn 19	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu: (0.2kg/ cái)	Kg	0.4	
17	Cờ lê tròn 22	Cái	4.0	
	Sắt phế liệu: (0.2kg/ cái)	Kg	0.8	
18	Cờ lê tròn 27mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (0.2kg/ cái)	Kg	0.2	
10	Cờ lê tròn 30	Cái	2.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
19	Sắt phế liệu: (0.2kg/ cái)	Kg	0.4	
20	Cờ lê tròn 36	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu: (0.7kg/ cái)	Kg	2.1	
21	CK các loại	Cái	6.0	
	Sắt phế liệu: (0.3kg/ cái)	Kg	1.8	
22	Cuốc	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu: (0.5kg/ cái)	Kg	1.0	
23	Cuốc	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu: (0.5kg/ cái)	Kg	1.5	
24	Cưa sắt cầm tay	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (0.2/kg cái)	Kg	0.2	
25	Đầu tít 24	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (0.2kg/ cái)	Kg	0.2	
26	Đầu tít 17	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu: (0.2kg/ cái)	Kg	1.0	
27	Kim tuốt dây	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (0.2kg/ cái)	Kg	0.2	
28	Xèng	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu: (0.4kg/ cái)	Kg	0.8	
29	Ghế bọc nệm INOX	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (1.5kg/ cái)	Kg	1.5	
30	Thùng tôn 40x60x45	Cái	1.0	
	Tôn phế liệu: (2.2kg/ cái)	Kg	2.2	
31	Xoong nhôm các loại	Cái	2.0	
	Nhôm phế liệu: (0.3kg/ Cái)	Kg	0.6	
32	Xô xách nước	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (1kg/ cái)	Kg	1.0	
33	Ổ cắm Lioa 6 chấu đa năng., 5m	Cái	3.0	
	Nhựa phế liệu: (0.1kg/cái)	Kg	0.3	
34	Quạt đứng 45W	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu: (0.7.kg/ cái)	Kg	1.4	
	Đồng phế liệu: (0.3kg/Cái)	Kg	0.6	
	Nhựa phế liệu: (0.25kg/Cái)	Kg	0.5	
35	Ống nhôm Panda/Taiwan	Cái	1.0	
	Nhựa phế liệu: (0.4kg/cái)	Kg	0.4	
36	Cuốc	Cái	3.0	
	Sắt phế liệu: (0.5kg/ cái)	Kg	1.5	
37	Xèng	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu: (0.4/ cái)	Kg	0.4	
VIII	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật 2			

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
1	Sào + Tiếp địa 220kV	cái	1.0	
	Đồng phế liệu (0.5kg/ 1 cái)	kg	0.5	
2	Xích chống lầy	sợi	2.0	
	Sắt phế liệu: (08kg/sợi)	kg	16	
3	Bộ dây đồng tiếp địa di động loại 16 mm2	Bộ	1.0	
	Đồng phế liệu (0,5 kg/1 bộ)	kg	0.5	
4	Dây điện đơn 1*1 mm2 cách điện silicone	M	100.0	
	Đồng phế liệu (0,02 kg/m)	kg	0,2	
5	Bộ hoa thị 9 chi tiết	Bộ	1.0	
	Sắt phế liệu (0,2 kg/ bộ)	kg	0,2	
6	Mollette các loại	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (02 kg/cái)	kg	0,4	
7	Thang nhôm rút đơn loại 5m	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu (7kg/1 cái)	kg	7	
8	Dao cắt vỏ cáp	Cái	5.0	
	Sắt phế liệu: (0,1 kg/cái)	kg	0,5	
9	Mũi khoan từ ĐK 14mm	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,1 kg/1 cái)	kg	0,1	
10	Máy dò khí SF6	Bộ	1.0	
	Nhựa phế liệu (0,2 kg/1 cái)	kg	0,2	
11	Máy mài cầm tay	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,8 kg/1 cái)	kg	0,8	
	Nhựa phế liệu (0,2 kg/1 cái)	kg	0,2	
12	Bộ dây đồng tiếp địa di động loại 16 mm2	Cái	3.0	
	Đồng phế liệu: (0,5 kg/cái)	kg	1,5	
13	Cờ lê đuôi chuột 17/19	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu: (0,1kg/cái)	kg	0,2	
14	Ống áp lực D40 (Có mặt bích 2 đầu , dài 10m)	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu	kg	2	
15	Ống áp lực D25 (Có mặt bích 2 đầu , dài 10m)	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (2kg/1cái)	kg	2	
16	Súng bắn bulong chạy pin	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,8kg/1 cái)	kg	0,8	
17	Thước thủy NiVo (1200mm)	Cái	1.0	
	Nhôm phế liệu	kg	0,2	
18	Mò lết 12 inch	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,5kg/1 cái)	kg	0,5	
19	Mò lết răng 12 inch	Cái	1.0	
	Sắt phế liệu (0,5kg/1 cái)	kg	0,5	
20	Bình CO2	Bình	1.0	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
20	Sắt phế liệu (30kg/1 bình)	kg	30	
IX	Khối cơ quan Công ty			
A	VPCT			
1	Thùng tôn kẽm	Cái	6.0	
	Tôn phế liệu: (2.2kg/ cái)	Kg	13.2	
2	Giường xếp	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (3kg/ 1 cái)	Kg	6.0	
B	Phòng Vật tư			
1	Xà beng	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (3kg/1Cái)	Kg	6.0	
2	Mỏ lếch	Cái	2.0	
	Sắt phế liệu (0,2kg/Cái)	Kg	0.4	